

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2025

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Vũ.

Bà Lê Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

- Hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Thạch U – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân huyện Càng Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số 539/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc S, sinh năm: 1993 (*Có mặt*).

Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1987 (*Vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-7-2024 và bản tự khai ngày 18-12-2024, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc S trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Văn N đi đến hôn nhân qua mai mối, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 26-9-2012. Nữ trang ngày cưới có 5,5 chỉ vàng 24K

gồm đôi bông tai 01 chỉ, một sợi dây chuyền 2,5 chỉ và một chiếc lắc đeo tay 02 chỉ, trong quá trình chung sống vợ chồng đã thống nhất bán hết để nuôi con nên hiện không còn. Sau ngày cưới, bà về sống chung làm dâu bên nhà chồng. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 07 – 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cự cãi với nhau; Vì thương con, vợ chồng đã cố gắng tạo nhiều cơ hội sống chung cùng chăm lo cho con, nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Đến tháng 9 năm 2023, bà bỏ về ở luôn bên nhà cha mẹ ruột ở ấp L, xã Đ và sống ly thân với ông N đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà khởi kiện xin được ly hôn với ông Huỳnh Văn N.

Về con chung: Bà và ông Huỳnh Văn N có 02 con chung là Huỳnh Trần Chí K, sinh ngày 03-3-2012 và Huỳnh Trần Thúy A, sinh ngày 30-4-2016. Do cả bà và ông N đều đi làm xa, nên gửi hai con chung cho mẹ chồng của bà chăm sóc hộ. Khi ly hôn, theo nguyện vọng của hai con, bà đồng ý giao quyền nuôi dưỡng cháu K cho ông N, còn bà xin được quyền nuôi dưỡng cháu A, chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xác định ngoài những giấy tờ đã nộp có trong hồ sơ vụ án, bà không nộp thêm chứng cứ. Bà cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn N: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông N đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại các biên bản lấy lời khai cùng ngày 18-12-2024 và tại hai Đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 26-12-2024, con chung là hai cháu Huỳnh Trần Chí K, Huỳnh Trần Thúy A cùng trình bày: Cha mẹ hai cháu là Trần Thị Ngọc S và Huỳnh Văn N. Khi cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của cháu K là muốn được sống chung với cha, nguyện vọng của cháu A là muốn được sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Ngọc S có mặt giữ nguyên yêu cầu; Đối với ông Huỳnh Văn N vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vụ đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 54, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc S: Cho bà S được ly hôn với ông Huỳnh Văn N; Về con chung: Giao cháu Huỳnh Trần Chí K, sinh ngày 03-3-2012 cho ông N nuôi dưỡng và giao cháu Huỳnh Trần Thúy A, sinh ngày 30-4-2016 cho bà S nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự chưa yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vụ đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Huỳnh Văn N là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng ông N đều vắng mặt không lý do. Ngày 25-4-2025, Tòa án triệu tập hợp lệ ông N đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông N vắng mặt không lý do. Ngày 06-5-2025, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông N đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông N vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy bà Trần Thị Ngọc S và ông Huỳnh Văn N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 26-9-2012, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2023, giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn. Bà S cho rằng nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi mọi việc trong cuộc sống hàng ngày, chung sống không có hạnh phúc, vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2023 đến nay mà không hàn gắn lại được; Do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà S cương quyết xin được ly hôn với ông N. Đối với ông Huỳnh Văn N, qua xác minh với chính quyền địa phương ấp B, xã H cho biết từ trước đến nay ông N có đăng ký thường trú tại địa phương, sinh sống chung hộ với mẹ ruột là bà Nguyễn Thị M, hiện nay ông N đi làm ăn ở nơi khác, nhưng vẫn thường xuyên trở về địa phương chung nhà với mẹ ruột; Bà M có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án để chuyển cho ông N như thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên đối chất,... và xác nhận ông N biết việc bà S khởi kiện ly hôn với ông N, nhưng do ông N bận đi làm, không đến Tòa án được, nên không cung

cấp lời khai, không cung cấp chứng cứ để chứng minh tình trạng hôn nhân với bà S.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Bà S và ông N đã có thời gian chung sống hạnh phúc với nhau. Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng khi bất hòa xảy ra, vợ, chồng không kiềm chế được hành vi và cách cư xử của bản thân, dẫn đến cự cãi, tự ý sống ly thân, bỏ mặc nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...*”. Nhưng bà S, ông N đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống riêng, không còn quan tâm, không tự liên hệ hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[5] Theo các Biên bản xác minh cùng ngày 09-4-2025 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp B, xã H và với bà Nguyễn Thị M (Mẹ ruột của ông N) cho biết: Sau ngày cưới, bà S, ông N về sống chung gia đình bà M tại ấp B. Về mâu thuẫn cụ thể trong cuộc sống chung giữa họ thì bà M và chính quyền địa phương không nắm rõ, nhưng bà S đã bỏ đi khỏi nhà chồng và sống ly thân với ông N hơn một năm nay mà không hàn gắn lại được mặc dù cha mẹ hai bên gia đình có động viên hòa giải. Quá trình sinh sống tại ấp B, bà S và ông N không tranh chấp tài sản chung với nhau hoặc với ai, không tranh chấp hay khiếu nại gì về nợ chung với ai. Việc bà S xin ly hôn với ông N, đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[6] Tòa án đã thông báo mời hòa giải vào các ngày 18-12-2024, 26-02-2025 để bà S, ông N gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người và khả năng đoàn tụ vợ chồng, nhưng ông N đều vắng mặt không đến, không thể hiện mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà S, ông N còn rời khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ nơi đến cho Tòa án biết. Nên bà N có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ nữa vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn lại.

[7] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà S, ông N đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn và

cương quyết ly hôn với ông N là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho bà S được ly hôn với ông N.

[8] *Về con chung*: Bà Trần Thị Ngọc S và ông Huỳnh Văn N có 02 con chung là Huỳnh Trần Chí K, sinh ngày 03-3-2012 và Huỳnh Trần Thúy A, sinh ngày 30-4-2016. Thời gian bà S, ông N sống ly thân, do cả hai đều đi làm xa, nên hai con chung được gửi bên nhà nội chăm sóc. Khi ly hôn, bà S giao cháu K cho ông N nuôi dưỡng, còn bà xin được quyền nuôi dưỡng cháu A. Tại các biên bản lấy lời khai của Tòa án cùng ngày 18-12-2024 và tại hai Đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 26-12-2024, cháu K nêu nguyện vọng muốn được sống chung với cha, cháu A nêu nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Tại Biên bản xác minh ngày 09-4-2025 của Tòa án, bà M (Mẹ ruột ông N) cho biết hai cháu nội đang được bà chăm sóc, bà S đi làm hàng tháng đều có gửi tiền về cho bà phụ lo cho hai cháu, gia đình bà vẫn giữ mối quan hệ tốt với bà S, tạo điều kiện cho bà S tới lui thăm nom con bình thường; Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà S, ông N ly hôn thì về con chung đề nghị xem xét giải quyết theo nguyện vọng của hai cháu nội của bà. Do đó, cần xử cho bà S được quyền nuôi cháu A, ông N được quyền nuôi cháu K là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì các đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đối với bà Trần Thị Ngọc S xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Đối với ông Huỳnh Văn N không có lời khai, không cung cấp chứng cứ liên quan, không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[10] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà Trần Thị Ngọc S xác định quá trình chung sống bà và ông Huỳnh Văn N không nợ ai, cũng không ai nợ bà và ông N, không yêu cầu giải quyết. Đối với ông N đều vắng mặt không lý do tại các phiên mời làm việc tại Tòa, nên không có lời trình bày của ông về xác định nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[11] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Trần Thị Ngọc S có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[12] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Ngọc S được ly hôn với ông Huỳnh Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Trần Chí K, sinh ngày 03-3-2012 cho ông Huỳnh Văn N nuôi dưỡng và giao con chung tên Huỳnh Trần Thúy A, sinh ngày 30-4-2016 cho bà Trần Thị Ngọc S nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu K là muốn được sống chung với cha, nguyện vọng của cháu A là muốn được sống chung với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0004962 ngày 26 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Huyện Hội;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo

